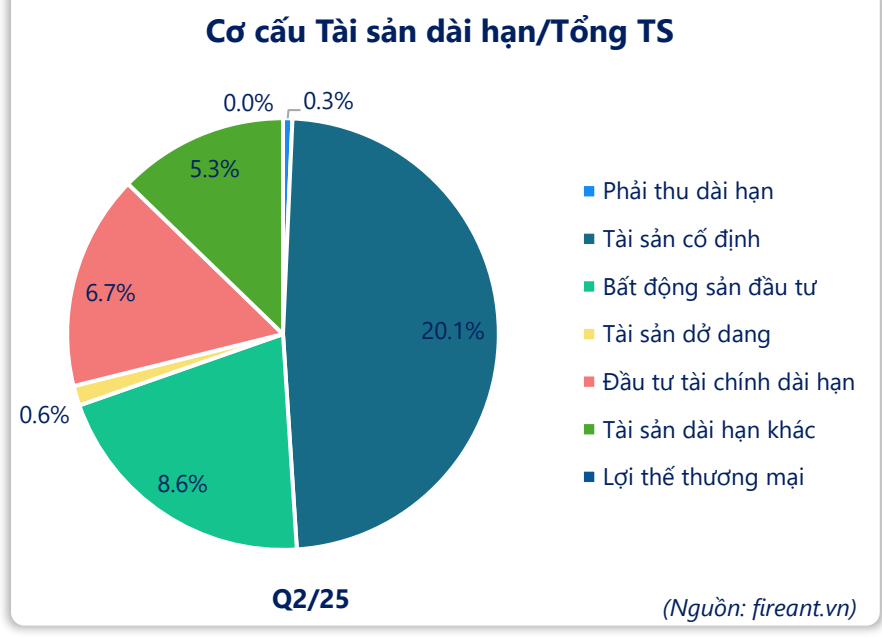
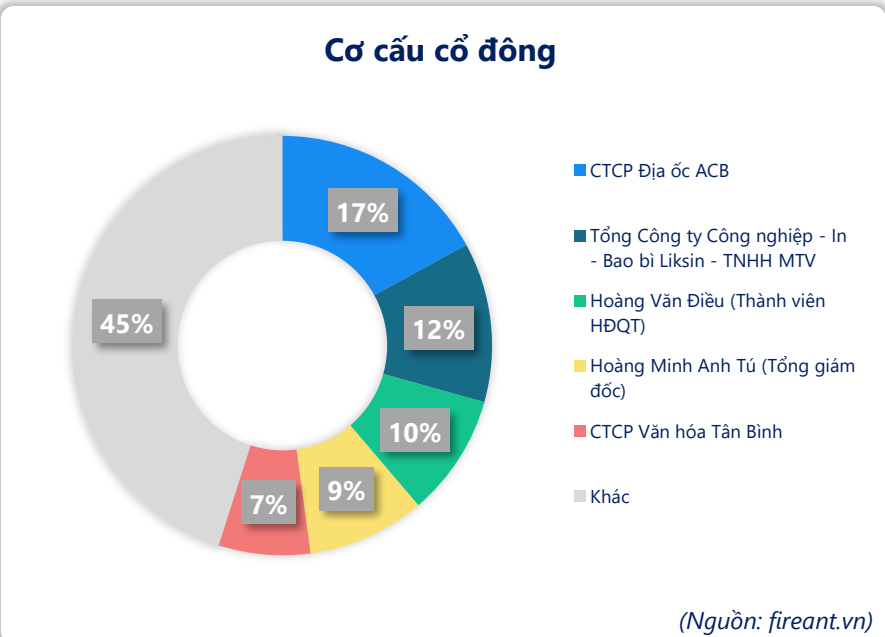
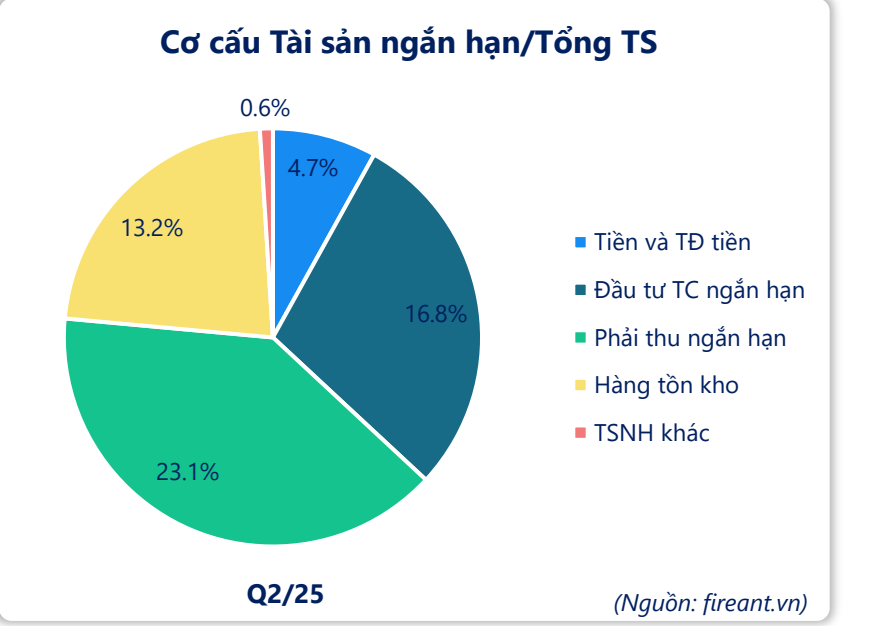
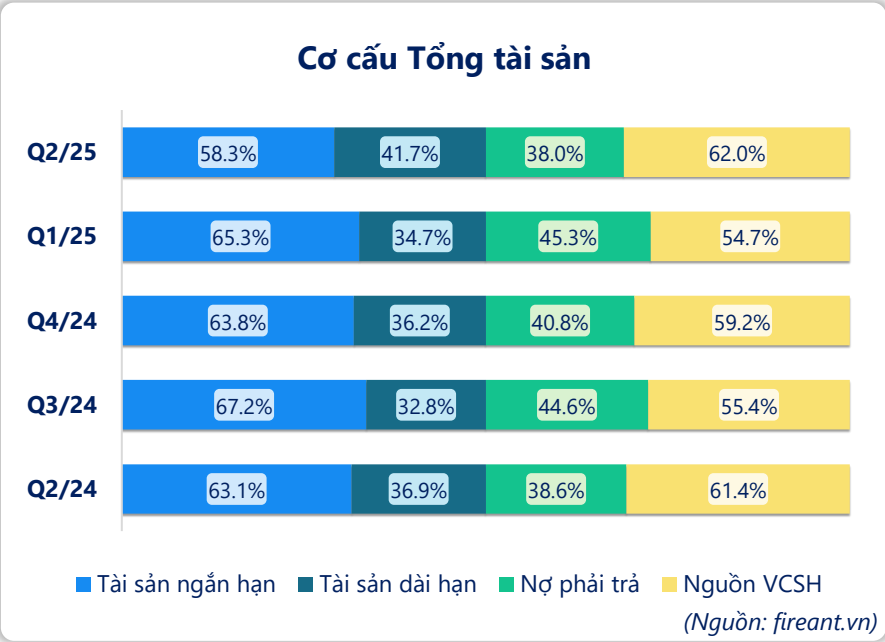
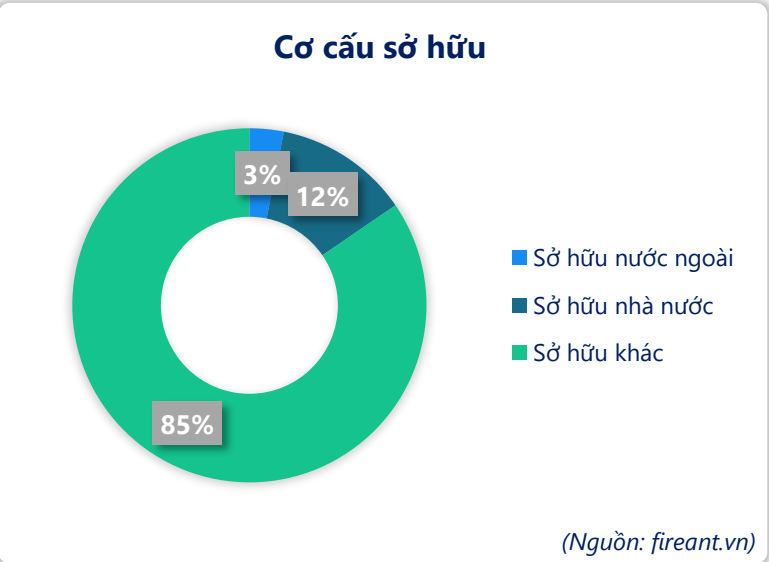
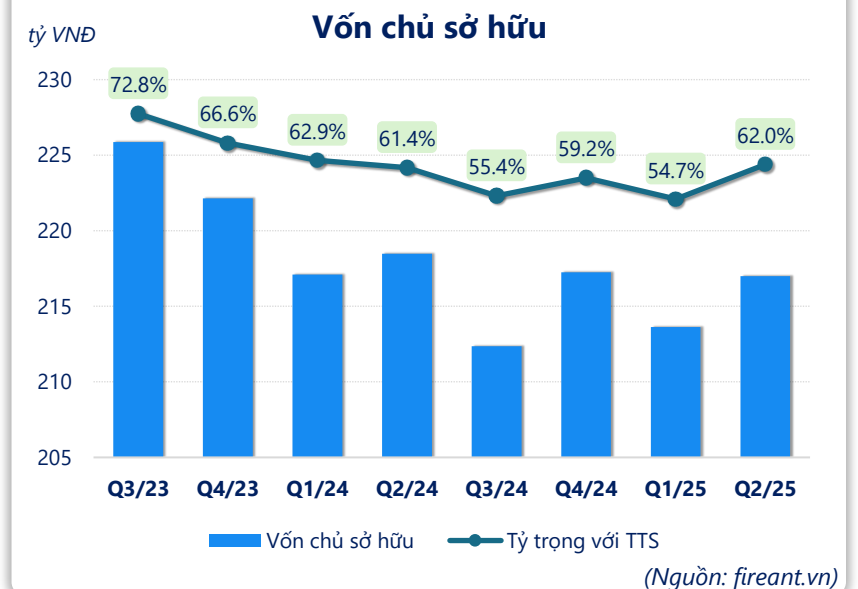
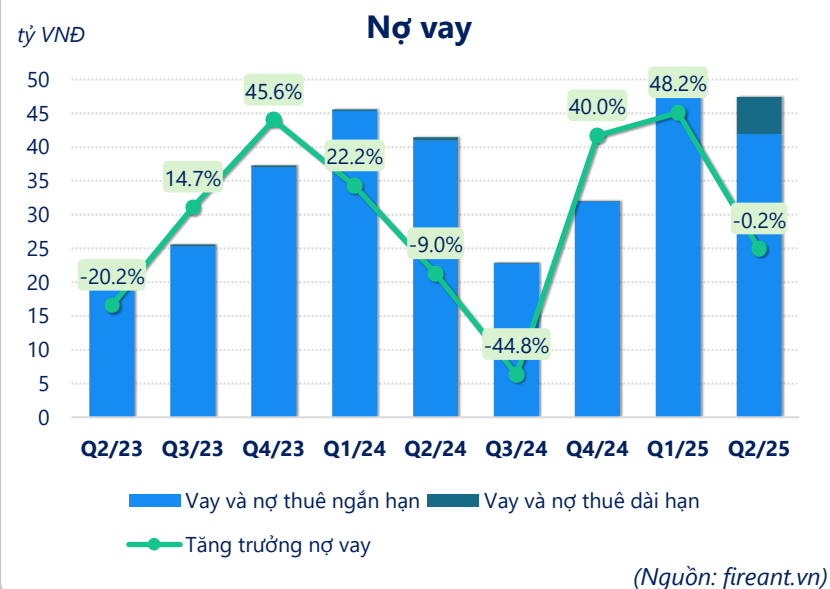
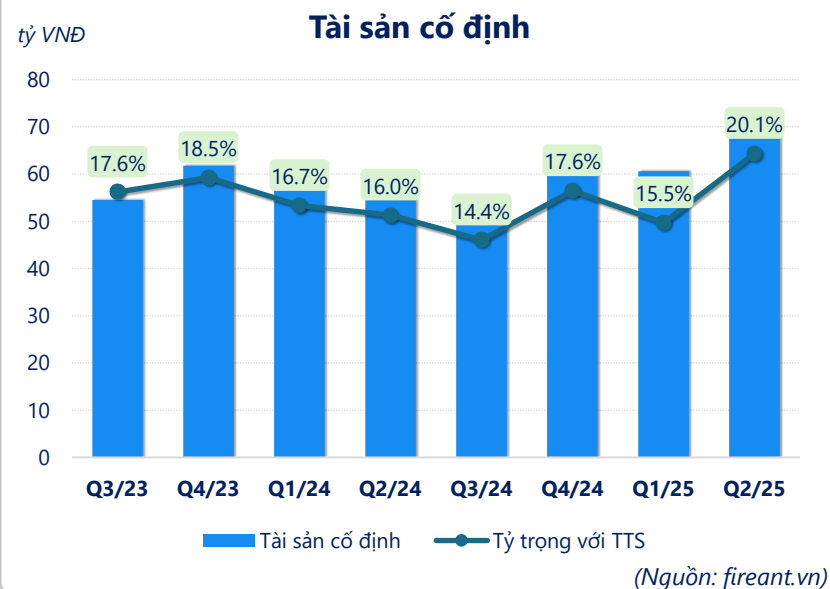
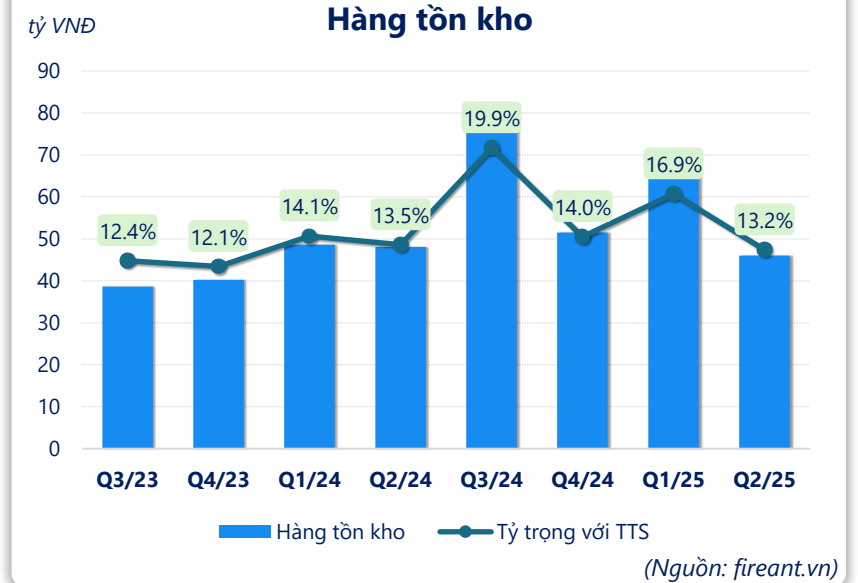
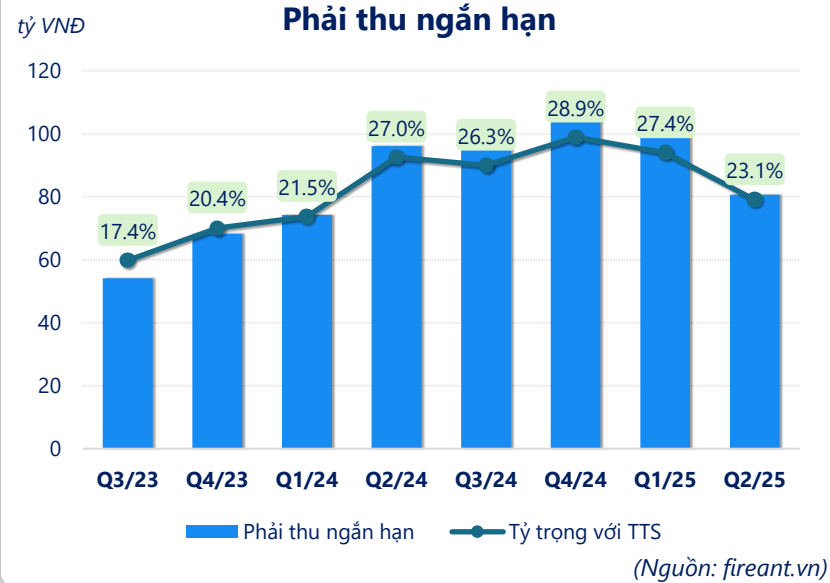
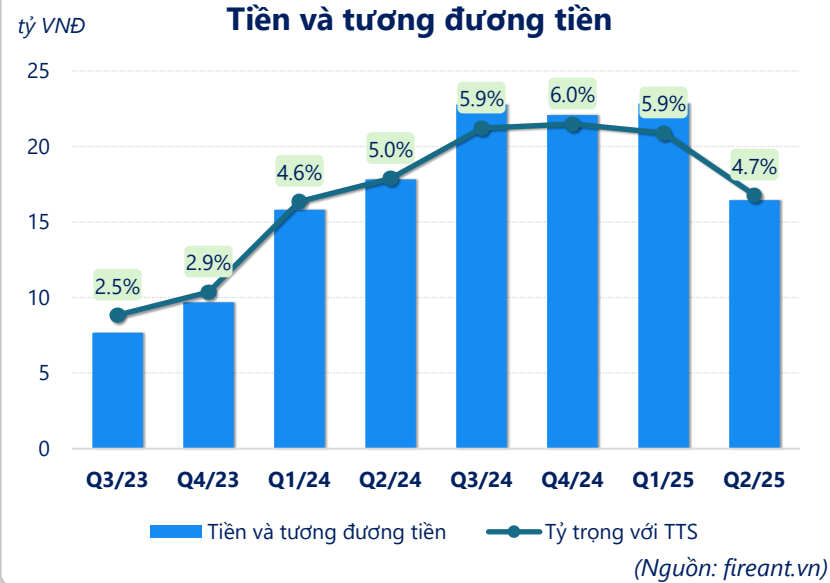
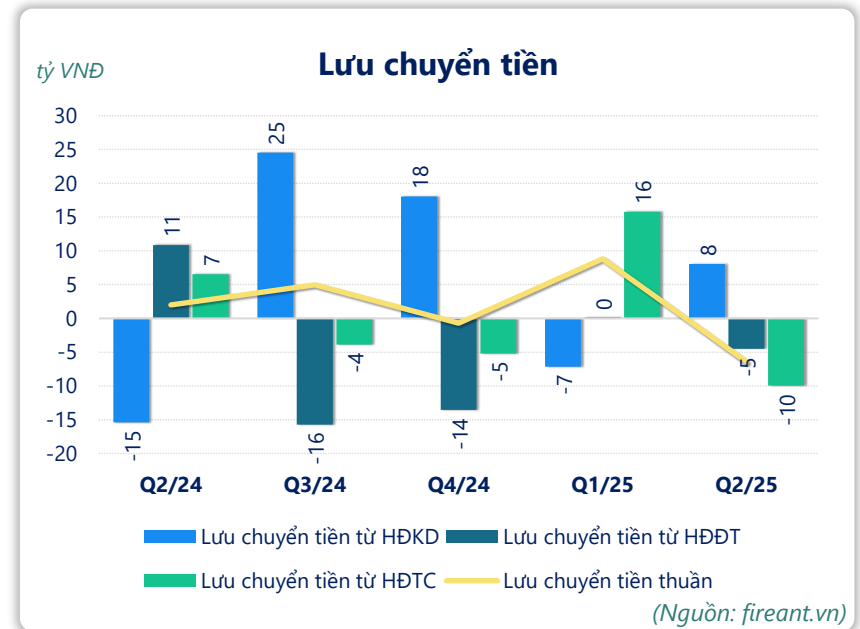
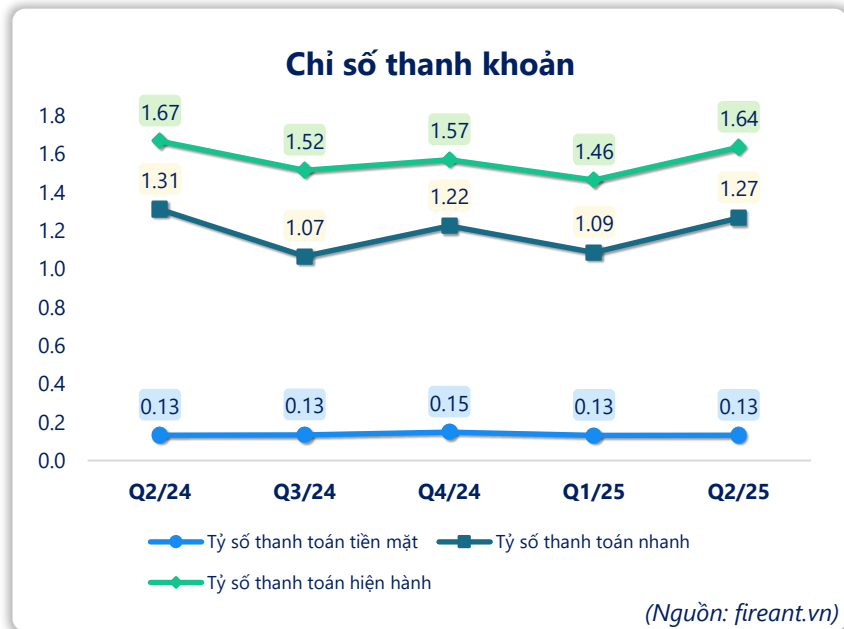
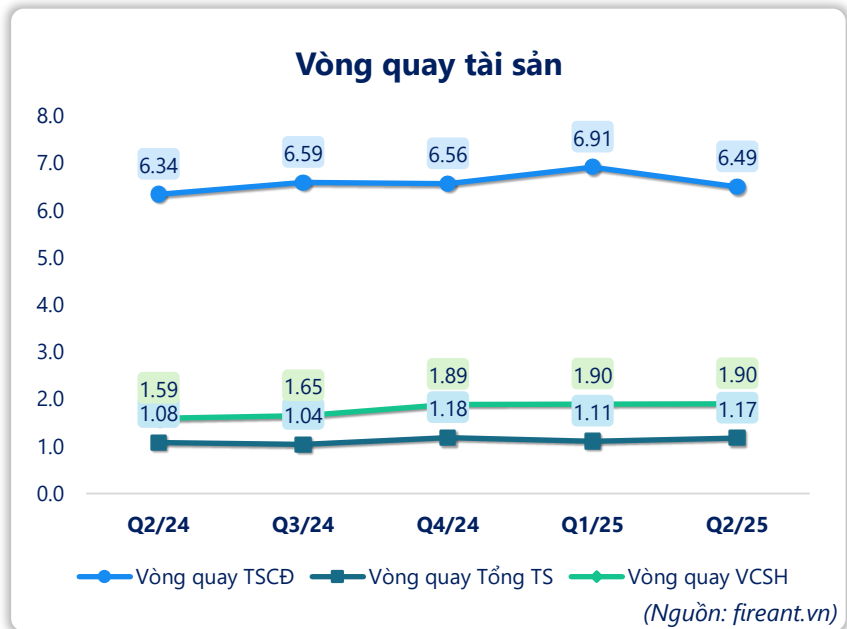
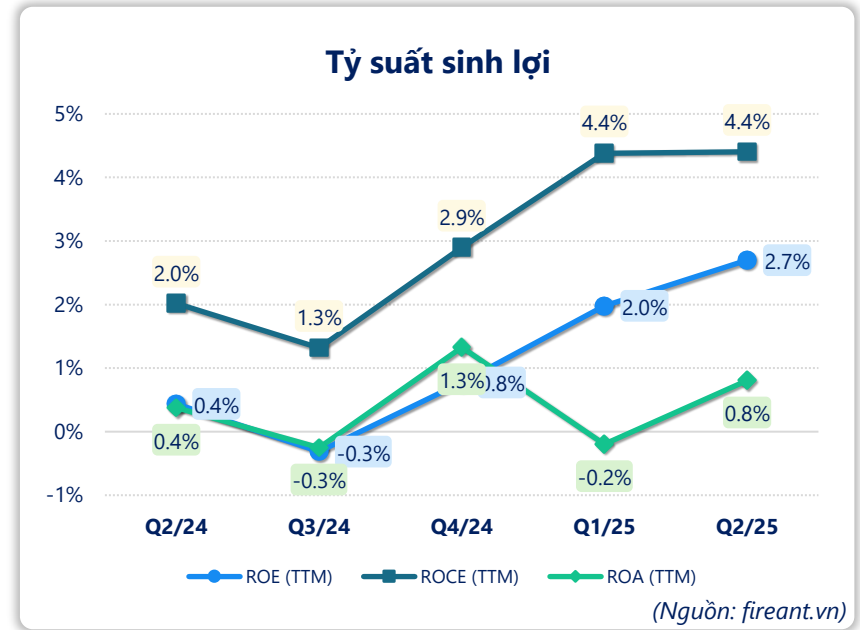
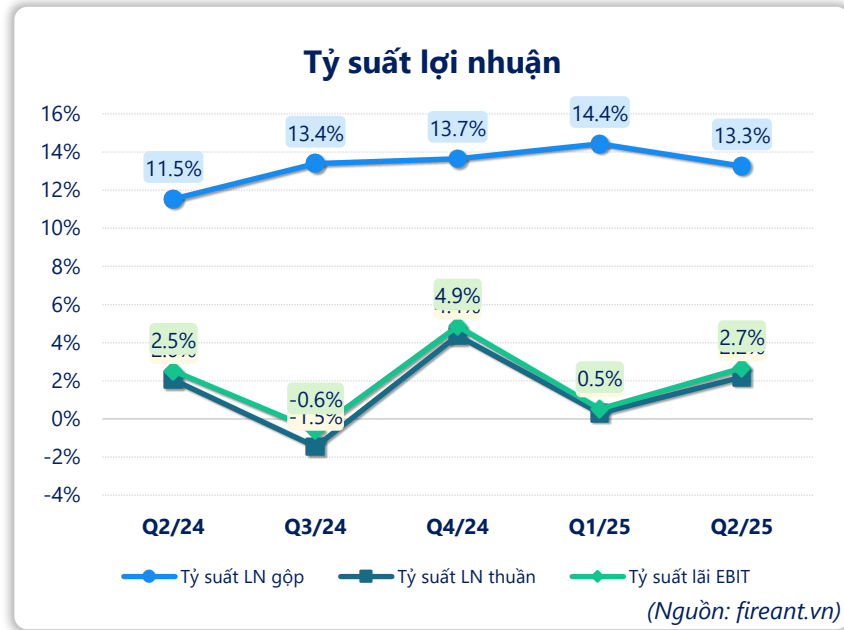
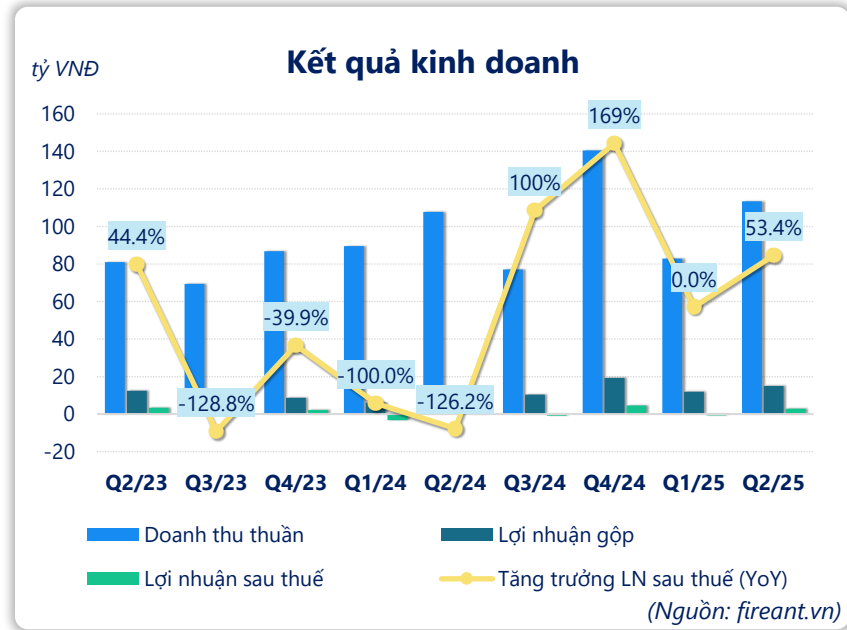


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		12,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		14,693
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		10,977
SL cổ phiếu LH		5,736,709
KLGD BQ 20 phiên (CP)		360
% sở hữu nước ngoài		3.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		73
P/E		12.5
EPS		1,024

	YTD	1T	3T	6T
ALT	9.0%	7.3%	10.8%	9.0%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	350	358	-2.3%
Tài sản ngắn hạn	204	227	-10.2%
Tiền và tương đương tiền	16.4	14.0	17.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	58.9	58.3	1.1%
Phải thu ngắn hạn	80.7	99.5	-19.0%
Hàng tồn kho	46.0	52.8	-12.9%
Tài sản ngắn hạn khác	2.04	2.60	-21.7%
Tài sản dài hạn	146	131	11.3%
Phải thu dài hạn	1.02	0.43	139%
Tài sản cố định	70.4	65.2	7.8%
Bất động sản đầu tư	30.1	30.5	-1.2%
Tài sản dở dang	2.17	2.13	1.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	23.5	22.9	2.8%
Tài sản dài hạn khác	18.6	9.76	90.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	133	143	-7.3%
Nợ ngắn hạn	125	140	-10.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	41.9	31.7	32.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	52.2	60.4	-13.5%
Nợ dài hạn	8.05	3.38	138%
Vay và nợ thuê dài hạn	5.48	0.33	1580%
Nguồn vốn chủ sở hữu	217	215	1.0%
Vốn chủ sở hữu	217	215	1.0%
Vốn điều lệ	61.7	61.7	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	108	77.1	140	82.9	113
Giá vốn hàng bán	95.4	66.8	121	70.9	98.3
Lợi nhuận gộp	12.4	10.3	19.2	12.0	15.0
Doanh thu HĐTC	2.17	0.68	-0.20	0.81	0.91
Chi phí TC	0.89	1.12	1.36	0.74	1.05
Chi phí lãi vay	0.57	0.67	0.74	0.52	0.60
LN trong công ty LKLD	-0.15	0.18	0.96	0.47	0.18
Chi phí bán hàng	4.02	4.14	4.95	6.38	4.76
Chi phí QLDN	7.34	7.05	7.48	5.87	7.82
LN thuần từ HĐKD	2.20	-1.12	6.14	0.25	2.49
Lợi nhuận khác	-0.05	-0.01	-0.05	-0.33	-0.06
LN trước thuế	2.16	-1.13	6.09	-0.09	2.43
Lợi nhuận sau thuế	1.22	-0.87	4.65	-0.73	2.83
LNST của CĐ cty mẹ	1.22	-0.87	4.65	-0.73	2.83

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-15.4	24.5	18.0	-7.14	8.06
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	10.8	-15.7	-13.5	0.15	-4.51
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	6.55	-3.87	-5.21	15.8	-9.96
Tiền đầu kỳ	15.8	17.8	22.8	14.0	22.8
Lưu chuyển tiền thuần	2.00	4.96	-0.69	8.81	-6.41
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	17.8	22.8	22.1	22.8	16.4

(Nguồn: fireant.vn)